

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm sau khi HSBC nâng dự báo lạm phát Việt Nam lên 3%

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến trái chiều trong phiên giao dịch giằng co của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PC1, SAB

[Vĩ mô/Chiến lược]

Thị trường trái phiếu tháng 01 năm 2022

[Cập nhật công ty]

FPT

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi mua lại 1 phần vị thế trading, NĐT được khuyến nghị tiếp tục quay vòng chốt lời ngắn từng phần tại các vùng cản kế tiếp của các mã mục tiêu

16/02/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,492.10	-0.04
VN30	1,521.47	-0.39
HĐTL VN30F1M	1,521.00	-0.07
HNXIndex	429.12	+1.25
HNX30	762.74	+1.94
UPCoM	111.80	+0.52
USD/VND	22,763	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.15	-1
Lãi suất qua đêm (%)	2.69	+12
Dầu (WTI, \$)	93.06	+1.08
Vàng (LME, \$)	1,856.32	+0.15



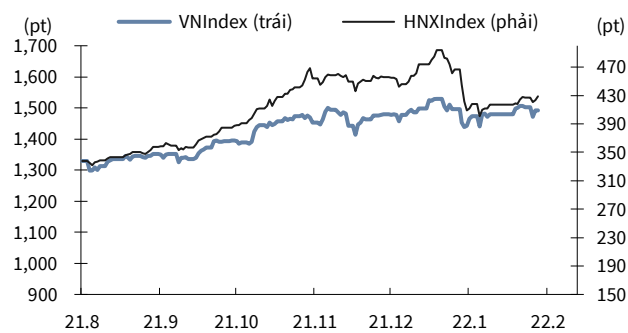
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,492.10 (-0.04%)
KLGD (triệu CP)	702.5 (+31.2%)
GTGD (triệu US\$)	880.6 (+4.5%)
HNXIndex	429.12 (+1.25%)
KLGD (triệu CP)	83.3 (+59.5%)
GTGD (triệu US\$)	91.4 (+48.8%)
UPCoM	111.80 (+0.52%)
KLGD (triệu CP)	60.8 (+30.5%)
GTGD (triệu US\$)	56.9 (+25.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -2.1

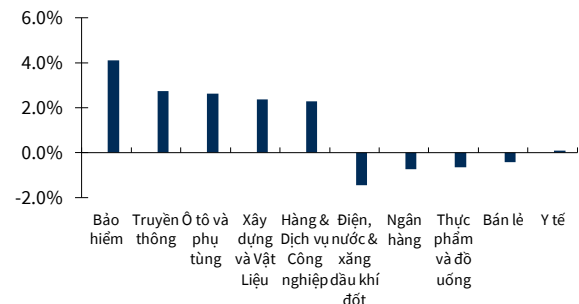
TTCK giảm điểm sau khi HSBC nâng dự báo lạm phát Việt Nam lên 3%. Mizuho Bank cho biết nếu đàm phán Mỹ - Iran về vấn đề hạt nhân thành công có thể giúp Tehran tăng xuất khẩu dầu và ổn định giá dầu hơn, cổ phiếu ngành dầu giảm ở PVS (-0.3%), GAS (-2.5%). Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP) dự báo có thể xảy ra tình trạng thiếu cá nguyên liệu trong quý đầu năm 2022 khiến giá cá tra tăng mạnh, cổ phiếu ngành cá tra tăng ở VHC (+0.5%), ANV (+2.7%). Bộ Công Thương cho biết nhiều mặt hàng từ phân bón ghi nhận xuất khẩu tăng trưởng đột biến trong tháng 1/2022, cụ thể phân bón tăng 682% YoY và hóa chất tăng 98.6% YoY, cổ phiếu ngành phân đạm và hóa chất tăng ở DPM (+3.9%), DCM (+3%). Khối ngoại bán ròng ở VNM (-1%), HPG (0%), HDB (-0.9%).

VNIndex & HNXIndex



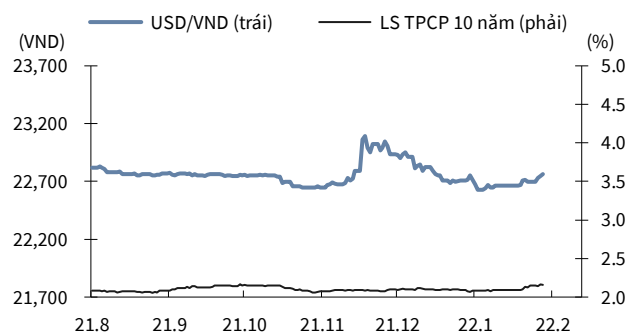
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



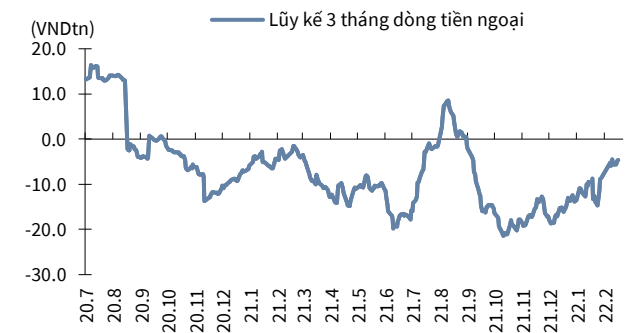
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

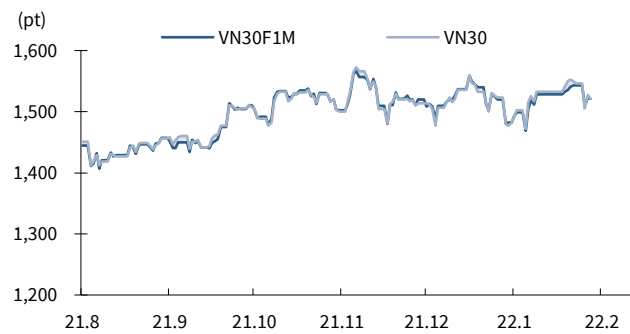
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,521.47 (-0.39%)
VN30F1M	1,521.0 (-0.07%)
Mở cửa	1,528.0
Cao nhất	1,532.4
Thấp nhất	1,514.5

Các HĐTL diễn biến trái chiều trong phiên giao dịch giằng co của thị trường cơ sở. F2202 tăng mạnh vào đầu phiên sau đó giảm dần khiến chênh lệch F2202 và chỉ số VN30 lên mức cao nhất tại 4.74 điểm sau phiên ATO rồi nhanh chóng đảo chiều, biến động quanh mức -1.48 điểm trước khi đóng cửa tại -0.47 điểm. Khối ngoại bán ròng với thanh khoản cải thiện.

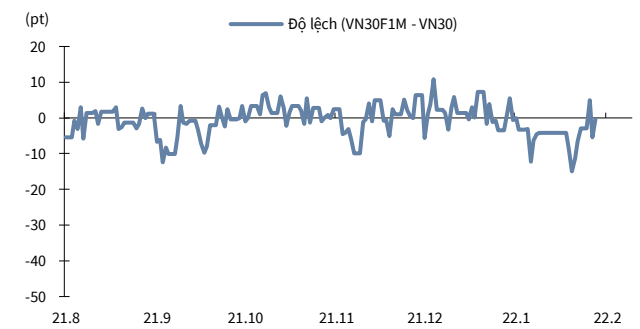
KLGD (HĐ) **161,518 (+15.0%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



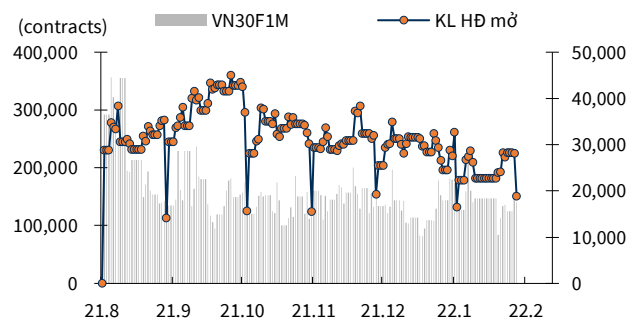
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



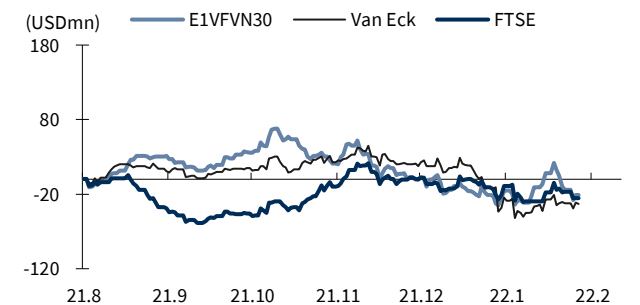
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

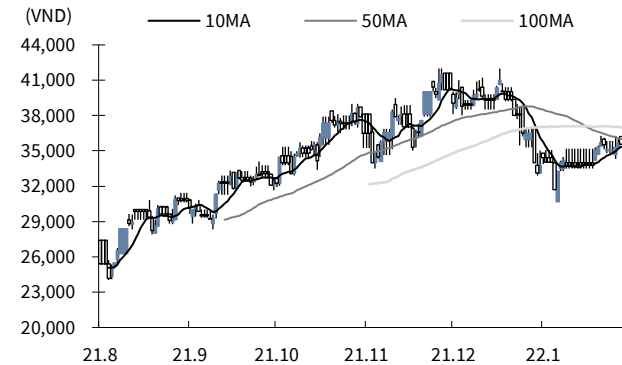
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Xây lắp điện 1 (PC1)

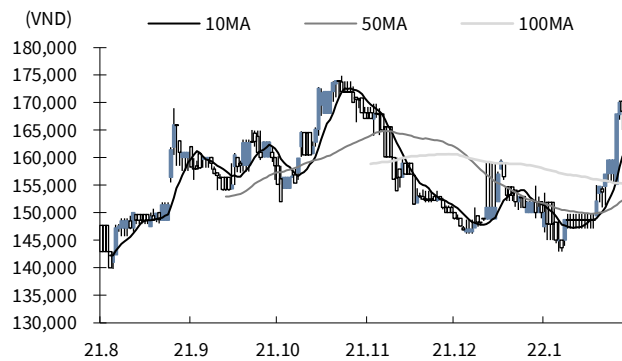


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PC1 giảm 0.4% xuống 35,550 VND/cp

- Xây lắp điện 1 công bố BCTC quý IV/2021 với doanh thu thuần giảm 14%YoY xuống 2,146 tỷ đồng, và lãi sau thuế đạt 186 tỷ đồng, tăng 24% YoY. PC1 giải trình kết quả năm 2021 tăng trưởng chủ yếu nhờ doanh thu tài chính đạt 319 tỷ đồng đến từ khoản lãi đánh giá lại khoản đầu tư khi mua tăng vốn từ công ty liên kết thành công ty con.

Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SAB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SAB giảm 0.9% xuống 168,400 VND/cp

- Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn thông báo Nghị quyết HĐQT thông qua việc tạm ứng cổ tức tiền mặt năm 2021 tỷ lệ 15%, tương đương 1 cổ phiếu được nhận 1,500 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức 3/3 và ngày chi trả 23/3.

- Năm 2021 Sabeco ghi nhận doanh thu thuần giảm 5.6% xuống 26,373 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 3.677 tỷ đồng, giảm 23% YoY.

CTCP FPT (FPT)

Kế hoạch LNTT 2022 tăng 20%

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ

Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

02/14/2022

4Q2021, LNST đạt 1,560 tỷ VND, tăng 24.5% YoY

4Q2021, FPT duy trì tăng trưởng tích cực với doanh thu đạt 10,704 tỷ VND, tăng 23.5% YoY; LNST 4Q2021 đạt 1,560 tỷ VND, tăng 24.5% YoY. Lũy kế cả năm 2021, doanh thu đạt 35,657 tỷ VND, tăng 19.5% YoY; LNST đạt 5,345 tỷ VND, tăng 20.8% YoY.

FPT đặt kế hoạch tăng trưởng cao trên 20% ở tất cả các thị trường nước ngoài

FPT tiếp tục đặt kế hoạch tăng trưởng tham vọng trong năm 2022 với tăng trưởng của các thị trường Bắc Á, Mỹ, Châu Âu và Đông Nam Á lần lượt đạt khoảng 20%, 33%, 25% và 25%.

Mảng công nghệ trong nước kì vọng tăng 50% YoY trong năm 2022 với động lực từ chuyển đổi số

FPT kì vọng tăng trưởng CAGR 3 năm không thấp hơn 30%, trong đó năm 2022 LNTT kì vọng tăng trưởng 50% với động lực từ chuyển đổi số. FPT sẽ tập trung phát triển các sản phẩm Made-by-FPT, hướng tới tệp khách hàng doanh nghiệp tài chính ngân hàng, sản xuất, bất động sản và khối hành chính công.

PayTV là động lực tăng trưởng chính cho mảng dịch vụ Viễn Thông

Trong khi tăng trưởng mảng Broadband sẽ chậm lại khi độ phủ internet tại Việt Nam đã ở mức cao, mảng PayTV kì vọng tăng trưởng trên 20% trong các năm tới dựa trên nhu cầu truyền hình số tăng cao tại các hộ gia đình, đặc biệt từ các gia đình trẻ.

Khuyến nghị MUA – giá cổ phiếu 122,000 đồng/cổ phiếu

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FPT. Giá mục tiêu là 122.000 VND/cp. cao hơn 30.1% so với giá tại ngày 11/02/2022.

Mua

Giá mục tiêu VND 122,000

Tăng/Giảm	33.1%
Giá hiện tại (11/02/2022)	VND 91,600
Giá mục tiêu thị trường	VND 128,650
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	83,131

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	60.6%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	188/8.4
Sở hữu nước ngoài (%)	49%
Cơ cấu cổ đông	Trương gia Bình (7.05%)

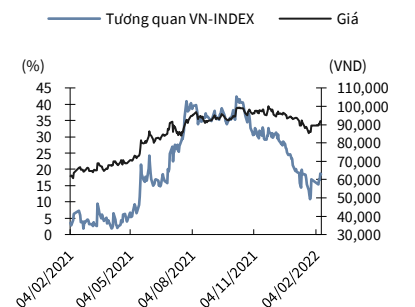
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	0	-7	-3	54
Tương đối	0	-9	-13	19

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020	2021	2022F	2023F
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	29,830,401	35,657,263	42,969,520	50,875,195
Tốc độ tăng trưởng(%)	7.6%	19.5%	20.5%	18.4%
Lợi nhuận gộp(tỷ VND)	11,813,657	13,700,213	16,500,296	19,536,075
Biên lợi nhuận gộp (%)	39.6%	38.4%	38.4%	38.4%
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	4,423,745	5,344,799	6,399,352	7,334,577
Tốc độ tăng trưởng(%)	13.1%	20.8%	19.7%	14.6%
EPS (VND)	4,513	4,774	5,716	6,551
Tăng trưởng EPS	-2.4%	5.8%	19.7%	14.6%
P/E	20.3	19.2	16.0	14.0

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Thị trường trái phiếu tháng 01 năm 2022

Thanh khoản thiếu hụt tạm thời

Trạng thái thanh khoản tiền Đồng thiếu hụt tạm thời

- Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng tăng và giao dịch trên thị trường mở hoạt động trở lại
- Giá trị giao dịch trên thị trường sơ cấp *giảm mạnh so với tháng 12 do nhu cầu mua TPCP từ các NHTM giảm*. Thanh khoản trên thị trường thứ cấp giảm với đường cong lợi suất có xu hướng dịch chuyển nhẹ lên phía trên

KBSV dự báo mặt bằng lãi suất liên ngân hàng vẫn sẽ duy trì ở mức cao trong tháng 2 rồi hạ nhiệt trong điều kiện thanh khoản hệ thống dần ổn định trở lại sau khi mùa cao điểm thanh toán và chi trả dịp Tết Nguyên Đán đi qua. Lợi suất TPCP có thể nhích tăng nhẹ do nguồn cung khá lớn trong khi cầu giảm

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp kém sôi động so với tháng trước, nhưng vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021

- Nhóm bất động sản và nhóm ngân hàng là những tổ chức phát hành lớn nhất thị trường
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp được dự báo sẽ sôi nổi hơn khi các doanh nghiệp và TCTD có nhu cầu huy động vốn lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế “bình thường hóa”

Tỷ giá liên ngân hàng và chợ đen tiếp tục duy trì ổn định

- Tỷ giá liên ngân hàng tiếp tục đi ngang quanh mức 22,650 trong tháng 01
- Tỷ giá chợ đen đi ngang

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



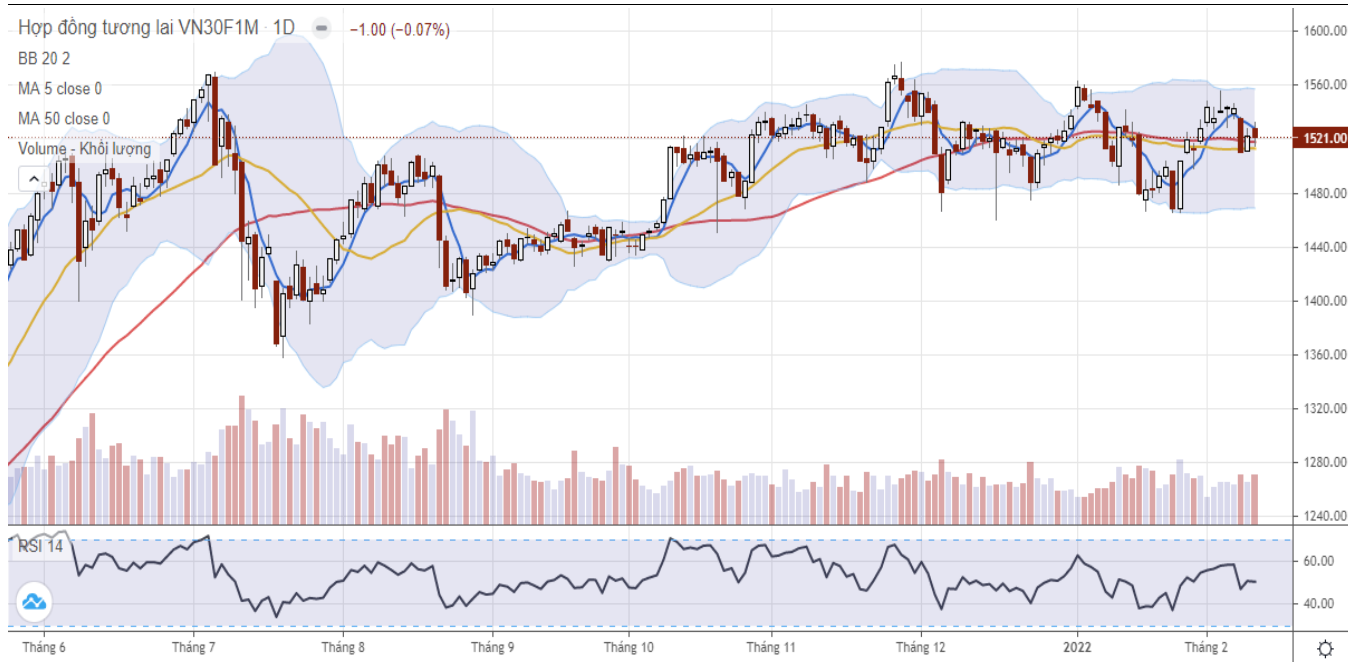
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và diễn biến giằng co trong biên độ hẹp đến cuối phiên.
- Áp lực bán cân tỷ trọng quanh vùng cản gần 1500 sau một nhịp hồi dốc tiếp tục gây cản trở đà hồi phục của chỉ số. Mặc dù vậy, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục và hướng tới vùng cản kế tiếp tại quanh 152x của VNIndex vẫn được đánh giá cao chừng nào vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại quanh 145x tiếp tục được giữ vững.
- Sau khi mua lại 1 phần vị thế trading, NĐT được khuyến nghị tiếp tục quay vòng chốt lời ngắn từng phần tại các vùng cản kế tiếp của các mã mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1541 - 1546

Kháng cự gần: 1532 - 1535

Hỗ trợ gần: 1512 - 1515

Hỗ trợ xa: 1496 - 1501

- Sau nhịp tăng điểm tích cực đầu phiên, F1 dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giảm co đến cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh quanh vùng cản gần 153x sau một nhịp hồi dốc tiếp tục gây cản trở đà hồi phục của chỉ số. Mặc dù vậy, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục của F1 vẫn được đánh giá cao chừng vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại quanh 149x tiếp tục được giữ vững.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần trạng thái Long tại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

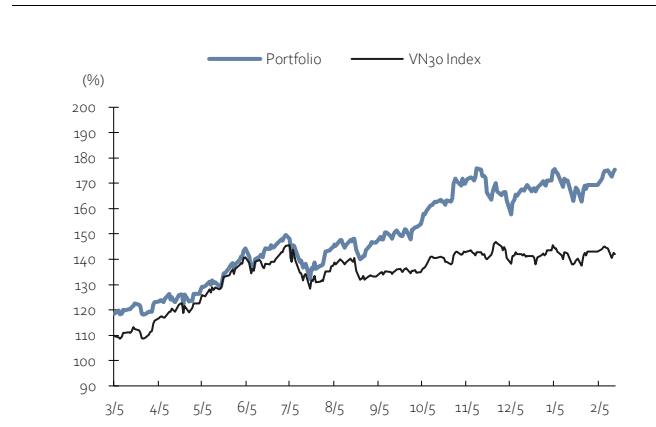
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.39%	0.54%
Tăng lũy kế (YTD)	42.09%	75.46%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/02/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	132,900	-0.3%	72.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	54,700	1.5%	147.3%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	106,300	0.8%	38.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	216,000	0.7%	12.5%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,300	5.9%	112.6%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	91,300	0.2%	213.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viên thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,650	-0.9%	83.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	114,500	-2.5%	56.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,000	0.0%	217.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbác City Development (KBC)	09/03/2020	57,700	0.0%	321.2%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.0%	23.8%	67.1
STB	0.3%	18.5%	52.9
MSN	-1.5%	28.7%	48.1
GMD	1.0%	42.3%	32.6
VCG	3.6%	2.0%	26.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.0%	54.5%	-139.2
HPG	0.0%	23.3%	-76.1
HDB	-0.9%	17.4%	-14.7
NVL	-1.1%	7.2%	-28.3
DXG	0.4%	28.8%	-21.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLC	2.8%	1.1%	2.4
SCI	2.9%	1.4%	2.3
PVI	0.8%	57.8%	1.1
MAS	8.5%	14.1%	0.9
KLF	5.0%	0.9%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-0.3%	9.2%	-18.3
APS	4.1%	0.9%	-0.6
EID	0.4%	24.7%	-0.5
GMX	-0.5%	4.9%	-0.4
PBP	9.7%	1.6%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.4%	GAS, POW
Thực phẩm và đồ uống	3.4%	MSN, SAB
Xây dựng và Vật Liệu	2.4%	VGC, VCG
Hóa chất	2.3%	GVR, DPM
Truyền thông	2.3%	ADG, YEG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-4.2%	VCB, BID
Tài nguyên Cơ bản	-1.7%	HPG, POM
Bán lẻ	-1.5%	MWG, FRT
Dịch vụ tài chính	-0.8%	SSI, HCM
Bất động sản	-0.4%	VIC, VHM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	12.3%	HVN, VJC
Bảo hiểm	9.6%	BVH, MIG
Hàng cá nhân & Gia dụng	8.2%	PNJ, GIL
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.7%	GAS, POW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.4%	GMD, REE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	-0.6%	VIC, NVL
Xây dựng và Vật Liệu	0.8%	CII, VCG
Y tế	1.1%	DHG, TNH
Bán lẻ	1.6%	MWG, COM
Ngân hàng	3.9%	VCB, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	394,765 (17.4)	22.5	60.3	32.6	14.7	5.7	9.5	3.2	2.9	-1.0	-3.3	16.2	-12.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	377,565 (16.6)	26.6	9.1	7.5	35.9	26.5	24.9	2.2	1.8	0.0	-1.8	-2.7	-2.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	259,324 (11.4)	17.8	26.8	18.8	-7.6	9.1	10.4	2.4	2.2	0.9	-4.5	-0.3	14.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	192,574 (8.5)	31.3	26.6	18.1	6.7	13.9	15.1	4.4	3.2	-1.1	-1.1	-4.8	-14.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	64,960 (2.9)	11.6	23.3	17.0	18.0	15.6	24.2	3.2	2.7	0.6	1.3	0.6	5.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	274,045 (12.1)	13.9	15.1	18.0	-	14.9	12.5	2.3	2.2	0.4	5.2	8.2	7.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	181,929 (8.0)	6.3	16.8	13.5	11.7	20.6	20.8	3.0	2.5	0.0	-4.2	4.3	10.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	187,251 (8.3)	12.7	18.0	12.4	-5.3	16.0	20.5	2.3	2.0	-2.3	-6.7	2.0	21.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	578,194 (25.5)	0.0	8.7	7.3	14.3	20.5	19.9	1.6	1.3	-0.4	-3.7	3.7	3.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	498,812 (22.0)	1.4	9.4	7.3	61.1	18.9	20.9	1.5	1.3	-0.9	-4.7	-2.3	2.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	483,667 (21.3)	0.0	10.6	8.5	18.8	16.2	16.3	1.6	1.4	-0.8	-3.9	2.3	-0.4
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	712,677 (31.4)	0.0	8.4	7.1	14.6	22.3	21.1	1.6	1.3	-0.2	-2.0	10.1	13.0
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	177,035 (7.8)	4.2	8.4	7.2	23.3	21.0	20.2	1.6	1.3	-0.8	-7.4	-4.4	-5.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,025,771 (45.2)	14.0	14.1	10.1	26.5	11.9	16.2	1.7	1.5	0.3	-4.1	-4.0	6.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	319,869 (14.1)	0.0	10.0	8.2	37.5	21.1	22.0	2.0	1.6	-0.9	-2.7	-3.6	-1.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	33,936 (1.5)	0.2	78.0	25.9	27.3	3.1	9.1	2.4	2.3	-3.9	2.9	5.8	6.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	37,880 (1.7)	21.0	19.4	15.1	15.8	10.1	11.9	1.8	1.7	4.7	2.7	5.9	2.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	15,464 (0.7)	14.2	19.7	16.9	9.1	10.9	12.6	1.8	1.7	3.6	0.6	-6.2	-9.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	464,588 (20.5)	55.4	21.4	20.2	-3.2	13.7	14.8	-	-	1.6	-1.8	-7.8	-13.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	158,735 (7.0)	71.9	-	-	-4.0	25.8	-	-	-	2.2	-2.0	-4.5	-18.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	101,273 (4.5)	52.4	-	-	-19.0	21.4	-	-	-	1.2	-3.2	10.6	-18.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	362,575 (16.0)	27.2	-	-	36.3	19.8	-	-	-	1.7	-0.7	-0.7	-12.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	169,022 (7.4)	42.1	16.1	14.9	4.0	32.8	34.0	4.8	4.5	-1.0	-2.9	-5.1	-6.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,098 (1.2)	36.9	26.4	22.1	7.3	19.6	21.4	4.6	4.1	-0.9	9.5	10.9	11.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	129,922 (5.7)	16.5	30.3	21.6	-51.9	20.7	23.3	6.3	4.8	-1.5	7.8	9.2	-7.5
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	109,048 (4.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.6	-3.5	14.6	-25.4	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	105,917 (4.7)	11.0	-	60.6	-88.5	1.0	10.1	-	-	0.0	3.1	14.1	8.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	65,566 (2.9)	10.8	21.1	19.3	-57.0	12.2	13.5	2.4	2.4	1.0	1.9	15.4	4.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	328,401 (14.5)	38.4	15.8	7.4	65.7	8.2	15.7	1.3	1.2	7.0	5.8	36.0	-37.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	141,938 (6.3)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	7.0	2.4	29.1	-41.3
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	529,616 (23.3)	37.7	-	-	-13.2	11.9	14.9	-	-	5.5	1.0	11.6	-4.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	71,649 (3.2)	3.6	18.1	17.7	-52.4	4.6	4.6	0.8	0.9	1.9	-2.8	11.9	-13.9
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	28,535 (1.3)	0.0	10.5	8.9	-4.5	13.2	14.9	1.4	1.3	5.9	3.7	8.9	4.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	122,581 (5.4)	46.1	18.6	16.6	-17.5	22.3	23.6	4.0	3.6	-2.5	4.1	8.5	19.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	14,215 (0.6)	31.4	10.5	11.8	-10.5	15.1	14.3	1.8	1.6	1.7	1.7	1.5	-8.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,779 (0.2)	34.1	14.0	8.8	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	0.0	-2.2	-2.4	-7.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	871,788 (38.4)	18.0	6.7	6.7	21.9	29.5	24.1	1.6	1.4	0.0	-2.7	-0.5	-0.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	153,333 (6.8)	36.5	11.3	15.7	-0.5	17.4	11.7	1.8	1.7	3.9	10.5	20.4	-3.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	97,454 (4.3)	46.5	12.0	14.5	-4.5	19.9	14.6	2.2	1.9	3.0	7.0	6.0	-16.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	221,723 (9.8)	38.9	5.9	6.6	67.9	25.0	19.2	1.3	1.1	1.4	0.0	2.8	-2.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	78,380 (3.5)	97.2	19.7	17.6	17.2	-	-	1.2	1.2	3.4	1.4	-1.9	-10.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	123,205 (5.4)	4.6	19.3	17.2	-51.0	16.3	17.5	3.0	2.8	0.0	-0.7	7.3	9.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	281,728 (12.4)	39.9	29.2	14.2	-11.9	3.5	6.6	0.9	0.8	1.6	4.2	-1.0	4.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	45,014 (2.0)	35.9	8.9	7.4	1.2	16.7	16.3	1.3	1.0	0.7	-0.2	-1.5	-4.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	111,793 (4.9)	0.0	15.3	13.0	13.7	27.8	28.4	3.9	3.4	-0.3	-3.0	-0.8	-2.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	78,369 (3.5)	0.0	17.7	14.3	2.4	22.8	23.4	3.6	2.9	0.8	2.9	13.2	10.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,214 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.8	3.0	-9.1	-19.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	88,414 (3.9)	30.3	23.8	19.2	-75.2	19.9	21.5	5.2	4.7	-4.1	-1.7	7.0	-6.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	53,827 (2.4)	34.6	11.9	13.5	41.2	30.4	23.9	2.9	2.7	-3.4	1.9	2.6	14.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,900 (0.1)	45.4	16.3	16.4	10.7	20.8	18.8	3.1	2.8	0.6	0.8	-4.0	-9.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	90,300 (4.0)	0.0	16.1	14.1	15.5	25.6	27.5	3.8	3.6	0.2	0.7	0.0	-1.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.